



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Địa chỉ Số 01 Đường Tôn Đức Thắng, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại (0277) 3 853 332

Fax (0277) 3 852 825

Website <http://www.dowasen.com>

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2017

MỤC LỤC



01

THÔNG TIN CHUNG

13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

29

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

39

QUẢN TRỊ CÔNG TY

45

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

55



THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh


Thông tin về mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro

T

hông tin khái quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006
Vốn điều lệ	355.575.500.000 đồng
Vốn đầu tư của CSH	355.575.500.000 đồng
Địa chỉ	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại	(0277) 3853 332
Số fax	(0277) 3852 825
Website	www.dowasen.com
Mã cổ phiếu	DWS
Logo	



Quá trình hình thành và phát triển

03/1976

Sở Xây dựng Tỉnh được thành lập và hình thành các bộ phận trực thuộc sở, trong đó có nhà máy nước Sa Đéc và Nhà máy nước Cao Lãnh.

1983

UBND tỉnh ra quyết định nâng nhà máy nước Cao Lãnh thành Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh.

16/10/1989

Công ty Dịch vụ Cấp thoát nước Tỉnh Đồng Tháp được thành lập theo quyết định số 28/QĐ-TL của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh. Bộ máy tổ chức Công ty gồm 3 phòng nghiệp vụ, 1 đội thi công, có 31 cán bộ công nhân viên. Với số vốn ban đầu là 10.086.000 đồng. Ông Lý Khôi Văn được đề bạt làm Giám đốc Công ty.

09/12/1992

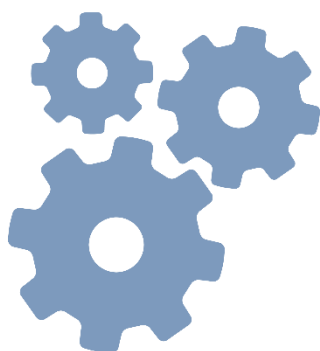
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước Công ty cấp nước Tỉnh Đồng Tháp theo quyết định số : 132/QĐ.TL. Trụ sở chính đặt tại số 01 đường Nguyễn Huệ, thị xã Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

15/01/1994

Công ty thành lập thêm nhà máy nước huyện Lai Vung và huyện Châu Thành. Ông Nguyễn Anh Dũng được bổ nhiệm làm giám đốc nhà máy nước huyện Châu Thành và ông Lê Văn Thanh được bổ nhiệm làm giám đốc nhà máy nước huyện Lai Vung..

10/1996

Công ty tiếp nhận và thành lập Nhà Máy Nước huyện Cao Lãnh, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Sơn làm





18/04/1998 2000 03/06/1998 16/03/2003 21/09/2006 29/03/2017

Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số: 60/QĐUB.TL về việc chuyển Công ty Cấp nước thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Trụ sở chính đặt tại số 44 đường 30/4, phường 01 thị xã Cao Lãnh

Công ty được giao quản lý 11 nhà máy cấp nước huyện, thị trong Tỉnh, trụ sở mới đặt tại số 01 đường Tôn Đức Thắng, phường 1 thị xã Cao Lãnh.

Công ty thành lập Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư ngành nước trực thuộc Công ty, nay là Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư. Ông Phan Đình Hùng được bổ nhiệm làm giám đốc Xí nghiệp, trụ sở tại số 01A, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, TX.Cao Lãnh.

Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số 16/QĐ.TL về việc sát nhập 02 công ty Xây lắp và Dịch vụ của hai thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh vào Công ty cấp nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 03 năm 2004, trạm cấp nước huyện Lấp Vò đã được giao về Công ty quản lý.

Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số 158/QĐ-UBND-TL về việc chuyển đổi tên Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Cổ phần hóa từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp thành Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.



N ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác
- Sản xuất, kinh doanh nước đóng chai, đóng bình.
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải)
- Tư vấn xây dựng, Tư vấn giám sát, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; thiết kế các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án; Thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng; Thẩm tra thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ); Thẩm tra thiết kế công trình xây dựng thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật; Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện công trình xây dựng); Lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước. Lập và xét hồ sơ đấu thầu; Tư vấn môi trường
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Dowasen được phép hoạt động khắp cả nước nhưng hiện nay hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung vào khu vực tỉnh Đồng Tháp



T hông tin về mô hình quản trị

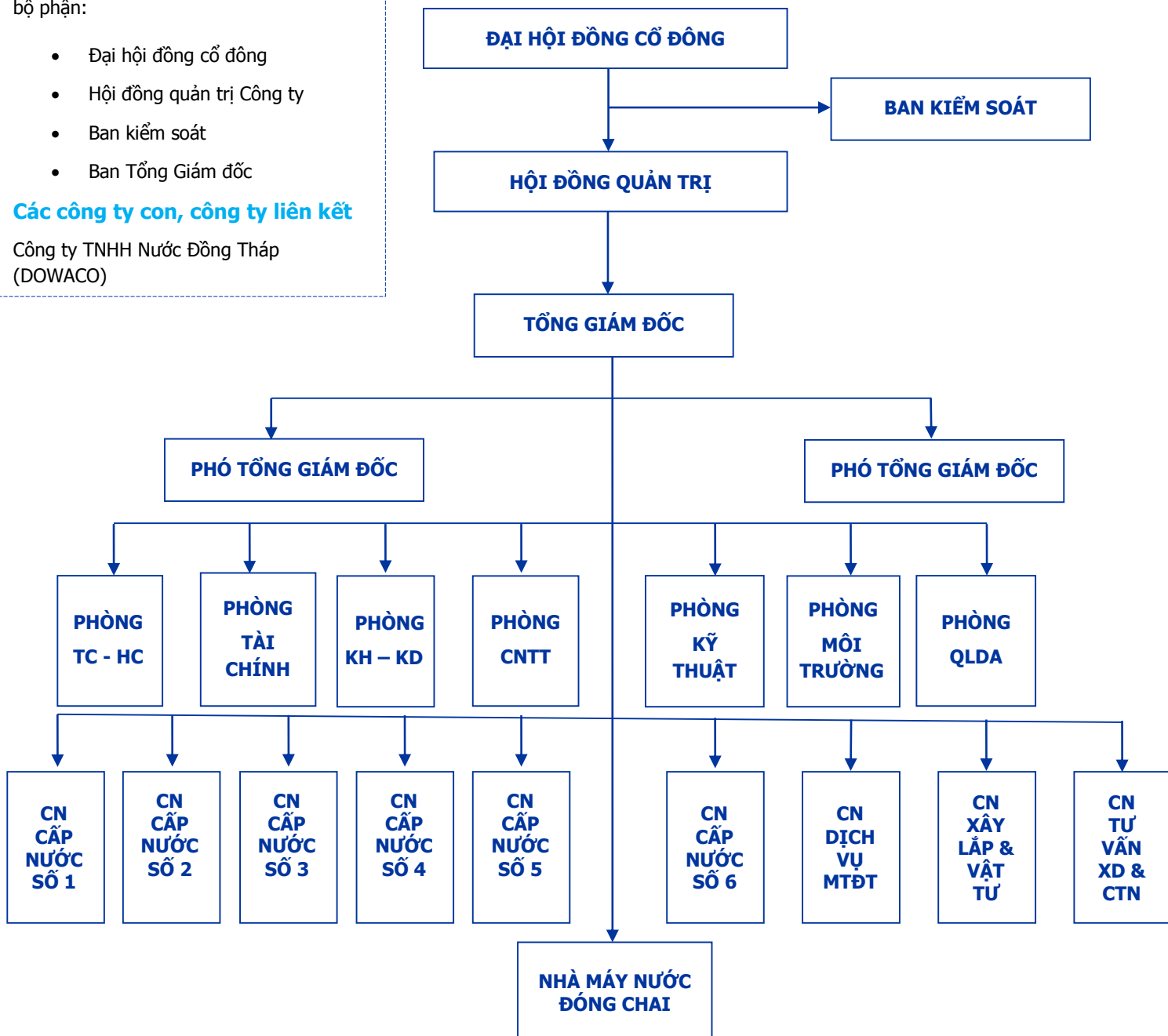
Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Nước Đồng Tháp
(DOWACO)



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- Đảm bảo cung cấp nước ổn định cho địa bàn hoạt động và không ngừng mở rộng khu vực kinh doanh.
- Duy trì và nâng cao chất lượng nước cung cấp theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế của cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

DOWASEN tập trung phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa với mục tiêu: Xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các nội dung cụ thể:

- Phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh;
- Mở rộng vùng phục vụ tại các đô thị trong tỉnh và các khu vực lân cận;
- Đầu tư cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước phục vụ tốt các nhu cầu sử dụng nước của người dân;
- Thành lập Xí nghiệp Thoát nước đô thị phục vụ với mục tiêu phát triển hệ thống thoát nước ổn định và đồng bộ (bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom, chuyển tải và nhà máy xử lý nước thải).
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác sản xuất và quản lý chất lượng nước, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế;
- Thực hiện tốt công tác dịch vụ khách hàng; Quản lý, kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng vật tư, nguyên vật liệu; Tăng cường các biện pháp chống thất thoát nước. Xây dựng thương hiệu và hình ảnh Công ty văn minh, hiện đại.



Rủi ro kinh tế

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới chuyển biến tích cực với đà tăng trưởng khả quan kinh tế Mỹ và các nước phát triển. Tăng trưởng GDP năm 2017 ước tính đạt 6.81% vượt mục tiêu 6.7% đề ra từ đầu năm, đây cũng là mức tăng cao trong những năm qua.

Trong năm vừa qua nền kinh tế trên thế giới nhận được định là có bước tăng trưởng chung mạnh mẽ. Chưa khi nào kể từ sau bùng phát cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu 2008-2009, các nền kinh tế lớn thế giới lại đồng thời phát đi dấu hiệu lạc quan như hiện nay. Từ đầu tàu kinh tế thế giới cho tới các nước phát triển và mới nổi, các hoạt động kinh tế đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu.

Ở Việt Nam; con số tăng trưởng kinh tế là 6,81% GDP cả năm được coi là sự bứt phá đầy ngoạn mục của nền kinh tế Việt Nam năm 2017, vai trò Nhà nước kiến tạo đã phát huy hiệu quả. Lạm phát thì luôn được duy trì ổn định là quanh mức 3,53%. Ngoài ra Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục duy trì lãi suất cho vay, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Mặc dù, với đặc thù lĩnh vực của Công ty là khai thác và phân phối nước sạch và vệ sinh môi trường là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất do đó ít bị tác động mạnh bởi các yếu tố thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế. Nhưng không vì vậy mà Công ty Cấp nước và Môi trường Đồng Tháp chủ quan với tình hình chung, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế. Do đó, rủi ro về kinh tế có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, chỉ ảnh hưởng ở một mức độ nhất định.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

DWS luôn có sự quan tâm đến các văn bản luật liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước. Ngoài ra, trong những năm gần đây, các văn bản luật nền tảng cùng với các quy định về kế toán, thuế, chứng khoán đã có sự thay đổi, điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Công ty.





Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro thất thoát nước

Do các tổ chức cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước; đường ống quá cũ và khách hàng gian lận trong việc sử dụng nước là những nguyên nhân chủ yếu Công ty có thể đối mặt với rủi ro này. Hiện tại thì Công ty đang thực hiện kế hoạch chống thất thoát nước bằng cách nâng cấp, duy tu các đường ống cũ; kiểm tra chất lượng của các đồng hồ nước tại nhà dân... để đảm bảo tỷ lệ thất thoát nước theo lộ trình chính phủ tại quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 12/11/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020. Ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến như: Hệ thống phần mềm Map Info...trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất.

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước ngầm tự nhiên. Sự thay đổi về chất lượng cũng như lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn tới quá trình xử lý của công ty. Bên cạnh đó, nguyên vật liệu xử lý nước bao gồm Clo, Natri Hydroxyt được công ty mua từ nhà cung cấp nên chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua là nơi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu. Theo ước tính, nước biển dâng từ 0.73 đến 1m trong vòng 100 năm tới, lượng nước ngọt giảm 30-35%, đó sẽ là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp nguồn cung cấp nước của Công ty.

Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là khai thác và cung cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Bên cạnh đó, chất lượng nước cung cấp cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư. Hiện nay vẫn áp dụng công nghệ chôn lấp; công nghệ xử lý nước rỉ rác tại các hồ chứa đã lỗi thời nên còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó diện tích chôn lấp bị hạn chế nên cần sớm đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải

Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã kể trên, Công ty luôn có ý thức đề phòng các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, lũ lụt,...Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản cho Công ty. Vì vậy, hàng năm Công ty đều tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm như: bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn,...nhằm phòng ngừa và hạn chế thiệt hại nếu có xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

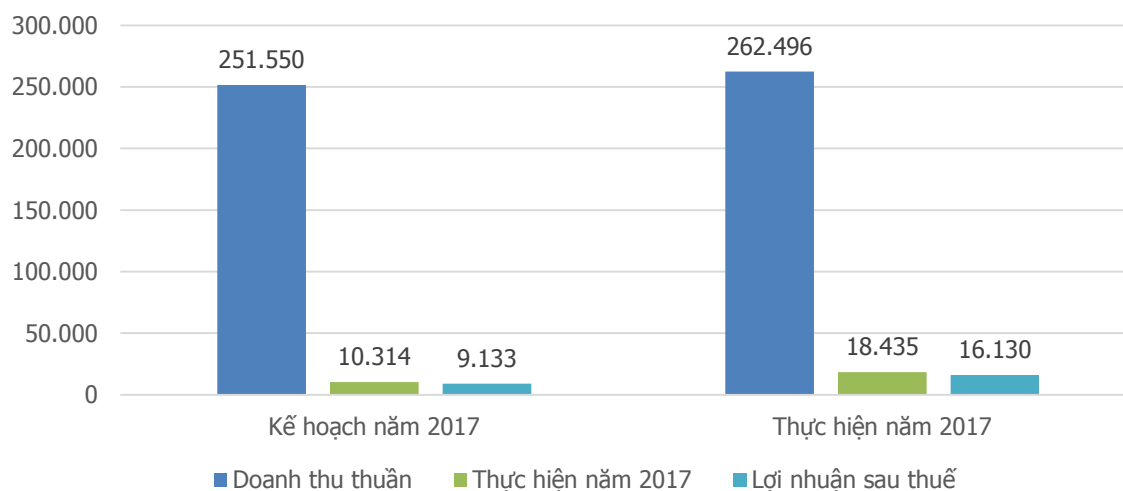
Kể từ ngày 26/04/2017, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu của năm 2017 gồm từ ngày 01/01/2017-25/04/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp và từ ngày 25/04/2017 đến 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh không có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2017		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	251.550	262.496	104,35%
2	Lợi nhuận trước thuế	10.314	18.435	178,74%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.133	16.130	176,61%

Ghi chú: Đây là số liệu của năm 2017 gồm từ ngày 01/01/2017-25/04/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp và từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp để thấy sự tăng trưởng của năm 2017 so với Kế hoạch năm 2017.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2017



Cơ cấu doanh thu thuần

Chỉ tiêu	KH 2017		Năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	0	0%	2.732	1,04%
Doanh thu bán thành phẩm	174.080	69,20%	202.557	77,17%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.980	17,88%	47.388	18,05%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	32.490	12,92%	9.819	3,74%
Cộng	251.550	100%	262.496	100%

Do công ty vừa chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần nên việc so sánh, đánh giá các chỉ tiêu tài chính năm nay so với các năm trước vẫn chưa được đồng nhất. Tổng kết năm 2017, Công ty đạt kết quả kinh doanh khá tốt khi lợi nhuận sau thuế đạt 16,13 tỷ đồng. Vượt kỳ vọng đề ra khi tăng trưởng 36,23% so với kế hoạch. Doanh thu từ các mảng đều tăng trưởng tốt so với kế hoạch đề ra.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Để	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Chí Thức	Kế toán trưởng



Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Nguyễn Văn Đế - Tổng Giám đốc

Năm sinh	:	04/04/1965
Địa chỉ thường trú	:	số 138, đường Ngô Thời Nhậm, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
Số cổ phiếu nắm giữ	:	9.286.900
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	26,12% Vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	9.229.200

Nguyễn Anh Dũng- Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	:	20/12/1965
Địa chỉ thường trú	:	Số 165, đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	:	- Cử nhân Kinh tế - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp
Số cổ phiếu nắm giữ	:	3.190.500
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	8,97% Vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	3.182.500

Nguyễn Thượng Vũ - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	:	03/03/1966
Địa chỉ thường trú	:	số 200, đường Hùng Vương, phường 2, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm)
Số cổ phiếu nắm giữ	:	3.235.100
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	9,10% Vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	3.182.500

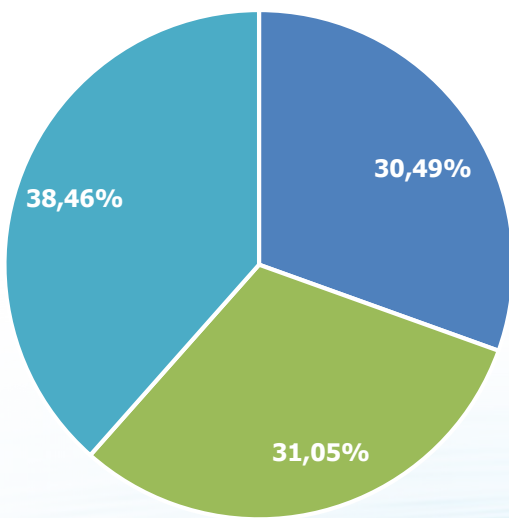
Phạm Chí Thức - Kế toán trưởng

Năm sinh	:	28/4/1959
Địa chỉ thường trú	:	số 01 đường Đốc Binh Kiều, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	:	Đại học Tài chính – KT các Doanh nghiệp
Số cổ phiếu nắm giữ	:	33.900
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	0,095% Vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0

Cơ cấu lao động tính đến ngày 31/12/2017

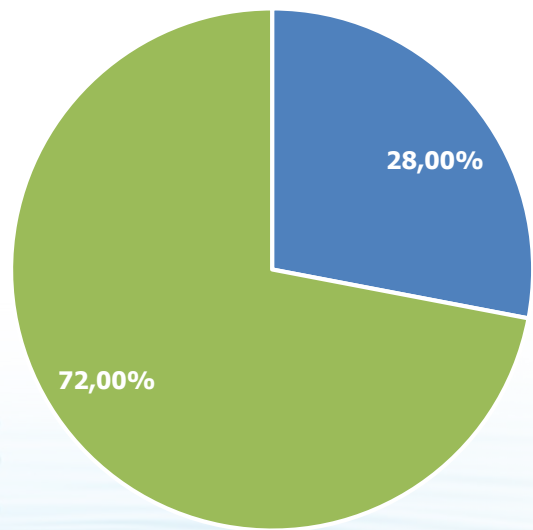
STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
A	Theo trình độ lao động	700	100%
1	Trình độ đại học và trên đại học	219	31,29%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	212	30,29%
3	Trình độ khác	269	38,43%
B	Theo công việc	700	100%
1	Lao động gián tiếp	196	28,00%
2	Lao động trực tiếp	504	72,00%

Theo trình độ lao động



- Trình độ đại học và trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp
- Trình độ khác

Theo công việc



- Lao động gián tiếp
- Lao động trực tiếp

Thu nhập bình quân

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2014	680	8.137.000
2	2015	694	10.146.000
3	2016	706	10.446.000
4	2017	696	10.860.000

Tổng số lao động thực tế của Công ty có mặt vào ngày 31/12/2017 là 700 người. Trong số 700 nhân viên, lao động trình độ khác chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 269 người, chiếm 38,43%, tiếp theo là lao động có trình độ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, với 212 người chiếm 30,29%. Còn lại 219 lao động với trình độ đại học và trên đại học chiếm 31,29%.

Trong khi đó, mức thu nhập bình quân của người lao động được nâng lên mức 10.860.000 đồng, tăng hơn 3,96% so với năm 2016.

Chính sách nhân sự

Chính sách lương - thưởng

Công ty xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên.

Đến thời điểm hiện tại, tiền lương bình quân của người lao động trong Công ty là 10.860.000 đồng/người/tháng.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Chính sách phúc lợi

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.



- Tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản và các dự án năm 2017

+ Về đầu tư phát triển mạng lưới đường ống: Công ty đã triển khai thực hiện và hoàn thành 19 công trình trong năm 2017, với tổng giá trị thanh toán ước tính đạt 6,49 tỷ đồng, đầu tư mở rộng 57,15km đường ống cấp nước từ D60 trở lên.

+ Về đầu tư nguồn cung cấp nước và tuyến ống chuyển tải: Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư các công trình: Trạm cấp nước Phương Trà, tuyến ống cấp nước chuyển tải từ nhà máy nước Đông Bình về TP. Cao Lãnh, Nhà máy nước mặt Đông Bình công suất 5.000 m³/ngày đêm (Giai đoạn 1), Trạm cấp nước khu dân cư Phú Long; với tổng giá trị đầu tư ước đạt 56,557 tỷ đồng; đã đưa vào vận hành khai thác, bổ sung nguồn nước cho khu vực TP. Cao Lãnh và TP. Sa Đéc.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án



Ngoài ra, Công ty còn tiếp tục triển khai thực hiện các công trình: nâng công suất Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh 2.400 m³/ngày đêm (Giai đoạn 2), xây dựng Nhà máy nước mặt Đồng Bình công suất 5.000 m³/ngày đêm (Giai đoạn 2); mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn TP. Cao Lãnh, các tuyến đường từ cầu Cái Sao Thượng đến khu 500 căn, đường Nguyễn Hữu Kiến và Quốc lộ 30, để đưa vào sử dụng phục vụ cho người dân đường Nguyễn Hữu Kiến và Quốc lộ 30, để đưa vào phục vụ cho người dân khu vực TP. Cao Lãnh và Nhà máy bia tại khu công nghiệp Trần Quốc Toàn.

- Tình hình thực hiện các dự án do tình quyết định đầu tư

+ Hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, công suất 10.000 m³/ngày đêm (nguồn vốn của AFD), đã nghiệm thu đưa vào sử dụng.

+ Hệ thống cấp nước thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, công suất 3.000m³/ngày đêm (nguồn vốn của Ý), điều chỉnh thời gian thực hiện sang năm 2018.

+ Hệ thống thoát nước TP. Cao Lãnh (nguồn vốn ODA của Chính phủ Na Uy), điều chỉnh thời gian thực hiện đến cuối năm 2018.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Số liệu của năm 2017 gồm từ ngày 01/01/2017-25/04/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp và từ ngày 25/04/2017 đến 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh không có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2017 - 25/04/2017	26/04/2017 - 31/12/2017
Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	805.806	883.826
Doanh thu thuần	Tr.đồng	82.018	180.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	4.529	13.670
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	111	126
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.640	13.796
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.712	12.418



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2017 - 25/04/2017	26/04/2017 - 31/12/2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,70	0,37
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,27
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,9%	56,9%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	126,5%	131,9%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,87	3,72
Vòng quay tài sản	Vòng	0,20	0,32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,53%	6,88%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,04%	3,37%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,46%	1,41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,52%	7,57%

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

- Số lượng cổ phần: 35.557.500 cổ phần.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.
- Số cổ phiếu ưu đãi: Không có.
- Số cổ phiếu phổ thông: 35.557.500 cổ phần.
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 35.557.500 cổ phần.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 34.842.050 cổ phần.
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 715.500 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trong nước	596	355.575.500.000	100,00
1.1	Cổ đông Nhà Nước	1	318.249.000.000	89,50
1.2	Cổ đông nội bộ	7	3.130.000.000	0,88
1.3	Cổ đông trong công ty	558	31.885.500.000	8,76
1.4	Cổ đông ngoài công ty	30	2.311.000.000	0,86
2	Ngoài nước	0	0	0,00
	Tổng	596	355.575.500.000	100,00

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm 2017, Công ty chi khoảng 2.968.625.038 đồng cho việc mua các hóa chất dùng để xử lý nước như: clor, PAC, phèn, sô đa. Khoảng chi phí này chiếm 2,48% tổng chi phí của Công ty.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý nước, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống và sức khỏe người tiêu dùng.

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của công ty là điện năng dùng để vận hành hệ thống xử lý nước, các trạm bơm và hoạt động tại các văn phòng công ty. Bên cạnh đó, công ty còn sử dụng dầu diesel để chạy máy phát điện khi cần thiết.

Số tiền chi trả cho các nguồn năng lượng trên trong năm 2017 là 7.465.697.570 đồng. Để nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả và áp dụng những công nghệ tiên tiến trong sản xuất và bơm nước ra mạng như lắp đặt các bộ biến tần, đầu tư xây dựng các hệ thống SCADA....

Tiêu thụ nước

Với đặc thù của ngành cấp nước, nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của công ty. Nguồn nước được Dowasen lấy chủ yếu từ hồ và nguồn nước ngầm, sau quá trình xử lý lắng, lọc nước, diệt khuẩn,...nguồn nước thành phẩm được bơm đến người sử dụng thông qua hệ thống đường ống.

Dowasen luôn chú trọng đến chất lượng nước được sản xuất ra, thường xuyên tiến hành xét nghiệm mẫu nước và đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn trong QCVN 01:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.

Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn Công ty hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.

Những hoạt động cụ thể mà công ty đã thực hiện:

- Trong năm, Công ty phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức các buổi tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh Môi trường tại các địa phương: TP. Sa Đéc, TP. Cao Lãnh, huyện Tam Nông, huyện Tân Hồng có đông đảo người dân tham gia, với nội dung giới thiệu về một số kiến thức cơ bản về nước sạch và rác thải, các biện pháp bảo vệ nguồn nước, tác hại việc sử dụng nước không hợp vệ sinh và xử lý rác thải không đúng quy định.
- Phát động người lao động (NLD) đăng ký và thực hiện tốt phong trào thi đua "Xanh – Sạch – Đẹp, ATVSLĐ - PCCN", "An toàn Giao thông", "Phụ nữ Hai giỏi"...
- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho NLD; thăm hỏi ốm đau, tai nạn, trợ cấp khó khăn.... Đồng thời, thực hiện thắp cao điểm Vì người nghèo, vận động NLD đóng góp được 46.220.000đ, hỗ trợ cất nhà tình thương cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở.
- Phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh cất 03 "Mái ấm Công đoàn", sửa chữa 01 căn nhà cho công nhân Công ty có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở.
- CBCNV đóng góp quỹ xã hội: 81.840.000đ, để thực hiện các hoạt động hỗ trợ học bổng, trợ cấp khó khăn, hỗ trợ khách hàng có hoàn cảnh khó khăn....
- Vận động CBCNV tích cực tham gia hiến máu tình nguyện. Kết quả trong năm, có 07 người hiến máu, được 2.150 ml máu.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giải trình với ý kiến Kiểm toán

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Môi trường kinh doanh năm 2017

Trong năm 2017, kinh tế nước ta vẫn trong đà tăng trưởng khá tốt dù vẫn còn nhiều hạn chế từ chất lượng tăng trưởng kinh tế cũng như năng suất lao động còn thấp. Với những chính sách, đường lối đổi mới của Nhà nước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế đã phần nào hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện cho Công ty có cơ hội đầu tư mở rộng và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp năm 2017 đã được duy trì và tăng trưởng so với năm 2016.



Thuận lợi

- Được sự quan tâm và hỗ trợ của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Về nguồn nhân lực:** Công ty có nguồn nhân lực tương đối tốt được đào tạo bài bản, đa ngành, đa lĩnh vực và tuổi đời bình quân còn khá trẻ, có tinh thần đoàn kết tốt, chịu khó học tập và có trách nhiệm cao trong công việc.
- Về yếu tố khách quan, thị trường và khách hàng: Do Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp hoạt động mang tính công ích và không có nhiều đối thủ cạnh tranh trên cùng địa bàn nên Công ty có thị trường và khách hàng tương đối ổn định, tăng trưởng đều hàng năm.
- **Về tài chính:**
 - Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, hàng năm đều có lợi nhuận.
 - Được ngân sách tỉnh cấp vốn đối ứng để thực hiện các dự án ODA về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.
 - Được ngân sách các huyện, thị, thành hỗ trợ một phần vốn để đầu tư phát triển mạng đường ống cấp nước.
 - Được phân bổ một phần vốn từ chương trình nước sạch nông thôn.
 - Được điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch và đơn giá thực hiện công tác vệ sinh môi trường...
- **Về cơ chế chính sách:**
 - Được Nhà nước ban hành các nghị định, thông tư và các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch; cơ sở tính toán giá thành nước sạch, khung giá bán nước sạch; định hướng, chiến lược phát triển ngành cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn...
 - Được UBND Tỉnh kịp thời ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch và đơn giá dịch vụ vệ sinh môi trường theo từng thời kỳ.

Khó khăn

- Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho cấp nước còn hạn chế, công ty phải đi vay để đầu tư trong khi giá nước sạch chưa được tính đủ theo quy định.
- Chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước khá tốn kém do phát sinh của chi phí bồi thường, đầu tư hệ thống cấp nước.
- Hiện nay phần lớn các khu vực nội ô của các thị trấn, thị xã, thành phố đã được cung cấp nước. Do đó địa bàn và khách hàng sử dụng nước và dịch vụ vệ sinh môi trường còn lại chủ yếu ở các vùng ven đô thị, vùng nông thôn nên việc đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu tư cao nhưng khách hàng lại sử dụng sản phẩm, dịch vụ hạn chế...
- Việc cho các cơ sở sản xuất, một số doanh nghiệp được tự khoan giếng ngầm đã làm giảm sút sản lượng tiêu thụ, ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm dự trữ, làm gián tiếp ảnh hưởng tới nguồn nước của nhà máy, ảnh hưởng tới môi trường nước.
- Nhà nước đang từng bước chuyển sang cơ chế đấu thầu đối với hoạt động vệ sinh môi trường.
- Về tài chính và cơ chế chính sách: Trong những năm qua, mặc dù Công ty vẫn hoạt động có lợi nhuận nhưng cũng gặp không ít khó khăn về tài chính như chưa có cơ chế xử lý hiệu quả đối với những đối tượng xả rác bừa bãi và đối tượng không thanh toán phí rác thải...

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	26/04/2017 (tr.đồng)	31/12/2017 (tr.đồng)	% tăng/ giảm	Tỷ trọng 26/04/2017	Tỷ trọng 31/12/2017
Tài sản ngắn hạn	204.489	120.924	-40,87%	25,38%	13,68%
Tài sản dài hạn	601.316	762.902	26,87%	74,62%	86,32%
Tổng tài sản	805.806	883.826	9,68%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2017 đạt 883.826 triệu đồng, tăng 9,68% so với thời điểm 26/04/2017. Cơ cấu tài sản của Công ty năm vừa qua vẫn tương đồng với năm trước khi tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Cụ thể, tại thời điểm 26/04/2017, tài sản dài hạn chiếm 74,62% và tài sản ngắn hạn chiếm 25,38% trong tổng tài sản, đến ngày 31/12/2017 con số này lần lượt là 86,32% và 13,68%. Mặc dù cơ cấu tài sản khá tương đồng kỳ trước nhưng các khoản mục trong tài sản ngắn hạn lại có sự chuyển dịch cơ cấu. Cụ thể hơn tại ngày 31/12/2017, hai khoản mục trả trước người bán ngắn hạn và hàng tồn kho đã giảm lần lượt còn 1.383 triệu đồng và 33.261 triệu đồng so với 59.576 triệu đồng và 61.007 triệu đồng tại thời điểm 26/04/2017. Nguyên nhân chủ yếu do đầu kỳ Công ty thực hiện ứng trước tiền cho nhà cung ứng đã khiến khoản trả trước người bán tăng mạnh, ngoài ra do vài hợp đồng phát sinh vào cuối kỳ đã khiến cho nguyên vật liệu của DOWASEN giảm gần 19 tỷ đồng. Mặc khác do chi phí xây dựng cơ bản dở dang, thông qua đầu tư máy móc, trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày càng tăng trưởng của Công ty đã làm thay đổi tài sản dài hạn so với kỳ trước.





Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	26/04/2017 (tr.đồng)	31/12/2017 (tr.đồng)	% tăng/ giảm	Tỷ trọng 26/04/2017	Tỷ trọng 31/12/2017
Nợ ngắn hạn	290.578	360.034	23,90%	64,53%	69,81%
Nợ dài hạn	159.505	155.689	-2,39%	35,42%	30,19%
Tổng nợ phải trả	450.290	515.723	14,53%	100,00%	100,00%

Cơ cấu nợ của Công ty vẫn chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn khi chiếm gần 65% cơ cấu nợ. Mục nợ ngắn hạn tăng 23,90% đạt 360,036 tỷ đồng so với cùng kỳ khi tăng 69,46 tỷ đồng. Chủ yếu là do khoản mục phải trả ngắn hạn khác đã tăng 67,30 tỷ đồng, do sau khi cổ phần hóa Công ty đã bàn giao lại hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh cho UBND tỉnh Đồng Tháp. Mặt khác nợ dài hạn tại kỳ so sánh gần như không đổi, trong đó khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất. Cụ thể là khoản vay vốn ODA của Ngân hàng Phát Triển Việt Nam – chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang cho hoạt động xây dựng công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cùng với khoản vay dài hạn của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp cho việc thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị. Nhìn chung do trong giai đoạn đầu tư phát triển nên cơ cấu nợ như trên là hợp lý với Doanh nghiệp yêu cầu tài sản cố định lớn như DOWASEN.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đây là giai đoạn vô cùng quan trọng đối với Dowasen, thời điểm định hình, tái cấu trúc toàn bộ Doanh nghiệp do vừa trải qua giai đoạn cổ phần hóa. Với hệ thống luật lệ, quy chế quản trị nội bộ cùng với các văn bản liên quan khác sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến Công ty trong thời gian tới. Đây vừa là cơ hội để thay đổi, hoàn thiện bộ máy quản lý, cũng là thách thức đối với Công ty.

Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, lựa chọn những lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, không có tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho công ty, Dowasen cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.

Gải trình với ý kiến kiểm toán

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như thuyết minh báo cáo tài chính mục số VII 1.6, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của công ty với số tiền 239.110.181.061 VND, trong đó có phần vốn đối ứng với dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp với tỷ lệ ước tính khoảng 92,3%. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	355.576	355.576	355.576
2	Tổng số lao động	Người	704	762	777
4	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	10,20	9,19	9,31
5	Tổng doanh thu	Triệu đồng	260.500	266.370	274.850
	<i>Tăng trưởng doanh thu</i>	<i>%</i>	<i>2,74%</i>	<i>3,07%</i>	<i>3,18%</i>
6	Tổng chi phí	Triệu đồng	242.000	254.916	262.482
	<i>Tăng trưởng chi phí</i>	<i>%</i>	<i>2,63%</i>	<i>2,96%</i>	<i>2,97%</i>
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.500	11.454	12.368
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	16.650	10.177	11.005
	<i>Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế</i>	<i>%</i>	<i>5,44%</i>	<i>5,68%</i>	<i>8,14%</i>
9	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	2,50%	1,38%	1,48%

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ thu gom và vận chuyển rác. Cả 2 hoạt động này đều là ngành hàng trọng yếu trong dịch vụ công ích, thể hiện rõ nét chính sách an sinh xã hội của một quốc gia. Cụ thể, nước sạch và dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thuộc nhóm ngành hàng do Nhà nước quản lý giá. Trong đó, giá nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất vẫn nằm trong khung giá được Bộ Tài chính quy định và được UBND tỉnh quyết định. Đơn giá phí vệ sinh thì lại được thông qua nghị quyết HĐND tỉnh quyết định nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom và vận chuyển rác thải tại địa phương.

Với chính sách xã hội hóa, khuyến khích khối tư nhân tham gia sâu rộng vào hoạt động cấp nước và vệ sinh môi trường, tính cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ngày càng cao. Tuy nhiên với sự hỗ trợ từ cơ quan ban ngành địa phương và hiện nay Công ty chưa có đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Do đó tình hình kinh doanh của Dowasen ổn định và tăng trưởng hằng năm, là căn cứ để thực hiện kế hoạch kinh doanh.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Về môi trường – năng lượng

- Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm. Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại các khu vực khai thác. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.
- Việc tiêu thụ năng lượng có tác động trực tiếp đến công tác giảm chi phí hoạt động, vô hiệu hóa nguy cơ từ những biến động trong cung cấp năng lượng và giá cả.
- Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch, vì vậy loại



Về xã hội

- Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, Dowasen luôn chú trọng không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của khách hàng.
- Luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể. Hiện nay, tổng số đoàn viên công đoàn tại Công ty là 679 công đoàn viên. Hàng tháng, công ty có sự kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi CB.CNV ốm đau, hiếu, hỷ theo quy định. Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



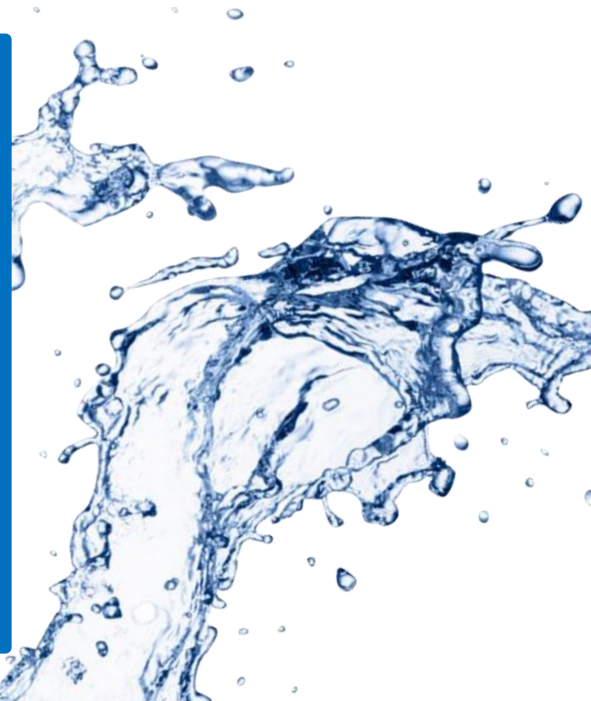
Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, mặc dù tình hình kinh tế năm vừa qua có tăng trưởng nhưng vẫn còn tồn tại những biến động từ tình hình chính trị và kinh tế thế giới, các bất ổn và khó khăn luôn có tác động đến kinh tế các nước mở cửa và hội nhập như Việt Nam. Tuy nhiên, các tác động này không ảnh hưởng quá nhiều đến Công ty do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác và phân phối nước sạch, đây là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của dân cư. Ngoài ra được sự hỗ trợ và quan tâm từ ban ngành địa phương nên nguồn thu của Dowasen luôn ổn định và tăng trưởng qua các năm.



Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng Giám đốc, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động cũng như trách nhiệm làm việc của Ban Tổng Giám đốc.

- Giám sát việc thực hiện việc báo cáo và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2017 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty. Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc về kết quả triển khai nhiệm vụ được giao.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thành lập công ty cổ phần năm 2017 và các Nghị quyết/quyết định của HĐQT.
- Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp/giải pháp điều hành tất cả các hoạt động SXKD của Công ty.
- Giám sát việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; chấp hành các chính sách, pháp luật theo quy định của Nhà nước trong quản lý điều hành công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Triệu đồng	260.500
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.500

Các biện pháp, căn cứ hoàn thành kế hoạch

- **Công tác quản trị**

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại;
- Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT;
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

- **Về khoa học công nghệ**

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ; Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

- **Về đầu tư**

Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, cải tiến liên tục. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- **Về tài chính**

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

- **Về nguồn nhân lực**

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ công tác nhân sự.



VÌ CUỘC SỐNG CỘNG ĐỒNG



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Đình Hùng	Chủ Tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Văn Để	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Nguyễn Thương Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Phan Đình Hùng - Chủ Tịch HĐQT

Năm sinh	:	17/04/1961
Trình độ chuyên môn	:	- 1995: Cử nhân Ngoại thương - 1997: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp - 1984: Kỹ sư Địa chất công trình và thủy văn - 2011: Thạc sĩ Kinh tế học
Quá trình Công tác	:	
Từ 06/1986 – 03/1990	:	Trưởng Phòng Khảo sát Xí nghiệp Khảo sát thiết kế tổng hợp – Sở Xây dựng Đồng Tháp.
Từ 05/1994 – 11/1995	:	Trưởng Phòng Tư vấn Công ty Tư vấn thiết kế và Xây dựng Đồng Tháp
Từ 09/1996 – 09/1998	:	Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
Từ 07/2012 – 07/2013	:	Phó Tổng giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Kiểm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
Từ 07/2013 – 03/2017	:	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
Từ 03/2017 đến nay	:	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Số cổ phiếu nắm giữ	:	16.336.300 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	45,94% Vốn điều lệ



Ông Nguyễn Văn Để - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	:	04/04/1965
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác		
Từ 05/2003 – 09/2005	:	Phó Giám Đốc XN Xây Lắp và Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 10/2005 – 04/2015	:	Giám Đốc CN XN Xây Lắp và Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 05/2015 - 03/2017	:	Phó Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 03/2017 - 04/2017	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 04/2017 đến nay	:	Tổng Giám Đốc Công Ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Số cổ phiếu nắm giữ	:	9.286.900 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	26,12% Vốn điều lệ

Ông Nguyễn Thượng Vũ- Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	:	03/03/1966
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm)
Quá trình công tác		
Từ 8/1999 – 03/2003	:	Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
Từ 01/2014 – 03/2015	:	Đảng ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty 1, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 07/2015 - 03/2017	:	Bí Thư Đảng Ủy – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 03/2017 - 04/2017	:	Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 04/2017 đến nay	:	Bí Thư Đảng Ủy - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Số cổ phiếu nắm giữ	:	3.235.100 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	9,10% Vốn điều lệ

Ông Nguyễn Anh Dũng- Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	:	20/12/1965
Trình độ chuyên môn	:	- Cử nhân kinh tế - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp
Số cổ phiếu nắm giữ	:	3.190.500 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	8,97% Vốn điều lệ

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số quyết/QĐ Nghị	Ngày	Nội dung
1	01/2017/QĐ- HDQT	22/4/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Để giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
2	02/NQ-HDQT	22/4/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Thượng Vũ và Ông Nguyễn Anh Dũng là thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty; - Thống nhất bổ nhiệm Ông Phạm Chí Thức giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty; - Thống nhất chức danh Kế toán trưởng Công ty kiêm Trưởng phòng Tài chính Công ty.
3	03/NQ-HDQT	03/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất điều động ông Nguyễn Văn Hợp Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị Công ty sang giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty; - Thống nhất điều động Bà Lê Hải Trang Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty sang giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị Công ty.
4	04/NQ-HDQT	05/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất về việc thay đổi tên gọi của 10 chi nhánh trực thuộc kể từ ngày 05/5/2017.
5	05/NQ-HDQT	05/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất những nội dung như sau: - Bổ nhiệm lại các cán bộ giữ chức vụ Trưởng phó phòng chức năng Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh trực thuộc Công ty đang đương nhiệm từ hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang hình thức Công ty cổ phần; - Giao Phòng Tổ chức Hành chính Quản trị rà soát và ban hành lại các Quyết định thành lập các Ban, Hội đồng quản lý nghiệp vụ của Công ty. Đồng thời, xem xét và ban hành lại các Quy định, Quy chế hoạt động nội bộ của Công ty nhằm phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty; - Đối với công tác tổ chức cán bộ, nhân sự từ cấp Trưởng phòng chi nhánh trở xuống, giao cho Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo phòng Tổ chức Hành chính Quản trị Công ty rà soát, xây dựng lại quy trình bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển nhằm phù hợp với tình hình mới.
6	01/NQ-HDQT- XDCB	12/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương: - Tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng mạng lưới cấp nước, kế hoạch bổ sung nguồn cấp nước và tuyển ống chuyển tải năm 2017 đã được duyệt từ Công ty TNHH 100% vốn nhà nước; - Thông qua việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trình nguồn và tuyển ống cấp nước năm 2017
7	01/2017/QĐ- HDQT-UQ	12/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cử ông Phan Đình Hùng làm người đại diện theo ủy quyền quản lý toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp và kiêm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Nước Đồng Tháp.
8	06/NQ-HDQT	29/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất những nội dung như sau: - Cử Ông Dương Tử Đăng Khoa, nhân viên Phòng Tài chính Công ty làm Thư ký Hội đồng quản trị Công ty; - Cử Ông Hoàng Quốc Hưng, Phó Phòng Tài chính Công ty làm người được ủy quyền công bố thông tin Công ty.

9	07/NQ-HĐQT	21/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ sung vào thang lương bảng lương chức danh người quản lý Công ty để tham gia BHXH; - Chuyển bậc, hệ số lương hiện tại của các đối tượng là viên chức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang thang lương, bản lương cho các đối tượng người quản lý Công ty cổ phần; - Thông qua dự thảo quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp; - Phê duyệt Danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý công ty giai đoạn 2016-2021, giai đoạn 2021-2026.
10	19/2017/QĐ-HĐQT	30/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
11	08/NQ-HĐQT	28/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt danh sách giới thiệu nguồn nhân sự quy hoạch các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty giai đoạn 2017-2022, giai đoạn 2022-2027 (Rà soát, bổ sung năm 2017).
12	09/NQ-HĐQT	03/7/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương mua sắm tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Nước đóng chai DOWASEN.
13	10/NQ-HĐQT	22/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương mua lại mạng lưới cấp nước tại Trạm cấp nước ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự.
14	11/NQ-HĐQT	20/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai xây dựng kế hoạch doanh thu, sản lượng tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát nước năm 2018; - Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017; - Triển khai xây dựng kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2018; - Xem xét việc thanh lý 04 xe thu gom và vận chuyển rác tại Chi nhánh Dịch vụ Môi trường: thống nhất cho thanh lý ¾ xe; - Thống nhất giao Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác xem xét, đánh giá lại và đưa ra đề xuất phương án xử lý những danh mục tài sản của các chi nhánh cấp nước cần phải thanh lý sớm trình HĐQT; - Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValues) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 theo đề xuất lựa của Ban kiểm soát Công ty; - Triển khai xây dựng kế hoạch nhân sự năm 2018 với chủ trương là vẫn giữ nguyên lực lượng lao động hiện tại, đảm bảo ổn định; - Phân công Ông Hoàng Quốc Hưng thực hiện việc theo dõi và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước đúng với nội dung và thời hạn theo quy định về công bố thông tin của Công ty đại chúng; - Thống nhất chủ trương mua lại các trạm cấp nước nông thôn: Trạm cấp nước nông thôn ở khu vực khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông khoảng 593 hộ; Trạm cấp nước thị trấn Hòa Long, huyện Lai Vun khoảng 113 hộ và Trạm cấp nước ấp Khánh Mỹ, xã Tân
13	12/NQ-HĐQT	26/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua và ban hành Quy chế phân phối tiền lương- tiền thưởng (dành cho người lao động) để thực hiện trong năm 2018 - Thống nhất thông qua và ban hành Quy chế phân phối tiền lương – thù lao – tiền thưởng (dành cho cán bộ quản lý) để thực hiện trong năm 2018.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phan Đình Hùng	CT HĐQT	13/13	(100%)	
2	Nguyễn Văn Để	TV HĐQT	13/13	(100%)	
3	Nguyễn Thượng Vũ	TV HĐQT	13/13	(100%)	
4	Nguyễn Anh Dũng	TV HĐQT	13/13	(100%)	

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	29/03/2017	5/5	100%	
2	Phạm Thị Kim Dung	Thành viên BKS	29/03/2017	5/5	100%	



Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Thu Trang - Trưởng BKS

Năm sinh	:	20/02/1968
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế Thương nghiệp
Quá trình công tác		
Từ 12/1991 – 10/1990	:	Nhân viên kế toán Công ty Vận tải biển Đồng Tháp
Từ 10/1996 – 03/2003	:	Nhân viên kế toán Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 03/2003 – 9/2006	:	Phó phòng Tài vụ Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 09/2006 - 03/2017	:	Kiểm soát viên (Kiểm soát viên phụ trách) Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp
Từ 03/2017 đến nay	:	Trưởng Ban Kiểm Soát, Công Ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp
Số cổ phiếu nắm giữ	:	32.400 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	0,091% Vốn điều lệ

Phạm Thị Kim Dung - Thành Viên

Năm sinh	:	20/07/1966
Trình độ chuyên môn	:	<ul style="list-style-type: none">Cử nhân Tài chính Kế toánGiấy chứng nhận Kế toán trưởngGiấy chứng nhận Kiểm soát viên chuyên nghiệp
Quá trình công tác		
Từ 11/1991 – 12/1992	:	Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 04/2003 – 10/2006	:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư trực thuộc Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 09/2012- 03/2017	:	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Từ 03/2017 đến nay	:	Thành viên Ban kiểm soát, Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Số cổ phiếu nắm giữ	:	22.800 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	0,06% Vốn điều lệ



Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Giám sát Công ty thực hiện các bước chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần: Giấy phép kinh doanh; đăng ký Công ty đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM;....
- Giám sát việc điều chỉnh lại vốn Nhà nước tại Công ty của Bộ Tài chính, từ đó mới quyết định vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong cơ cấu vốn điều lệ Công ty CP Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp;
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban chuyên môn; kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định,... của Đảng ủy Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty ban hành;
- Xem xét, đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp ý trong công tác quản trị, đề ra biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của đơn vị;

- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của cổ đông;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cản trở trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Đề xuất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValues) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng, quý của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, TGD Công ty và trình báo cáo thẩm định lên ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong Công ty; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật; đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư của Công ty;
- Các công việc phát sinh thực tế khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị		135.869.720	392.808.522	48.831.251
Phan Đình Hùng	Chủ tịch	40.500.000		
Nguyễn Văn Để	Thành viên HĐQT	40.500.000		
Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	40.500.000		
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT			
Ban kiểm soát			332.476.787	41.945.603
Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS		329.963.011	39.860.957
Phạm Thị Kim Dung	Thành viên BKS			
Ban điều hành		72.430.365	371.934.559	44.661.959
Nguyễn Văn Để	Tổng Giám đốc		337.241.410	42.577.314
Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc		333.626.952	42.577.314
Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	68.949.300	320.948.759	41.945.603
Phạm Chí Thức	Kế toán trưởng	135.869.720	392.808.522	48.831.251

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN 2017**



Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

Số: 2220/18/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 4 năm 2018, từ trang 08 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo thuyết minh số V.11 và V.21, Theo công văn số 2429/BTC-TCDN ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ tài chính, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tổ chức Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty chưa thực hiện bàn giao và làm thủ tục giảm vốn điều lệ.



- Đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận của các khoản phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 5.804.788.528 đồng, phải trả ngắn hạn khác với số tiền 23.418.595.740 đồng. Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể xác định tính chính xác các khoản này tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên đến Bảng cân đối kế toán cũng như ảnh hưởng của nó đến kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như thuyết minh báo cáo tài chính mục số VIII.6, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của công ty với số tiền 239.110.181.061 VND, trong đó có phần vốn đối ứng với dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp với tỷ lệ ước tính khoảng 92,3%. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 25 tháng 4 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ được phát hành ngày 25 tháng 9 năm 2017. Các vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc không chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và xác nhận công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn chưa đầy đủ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Th.s Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 1523-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Th.s Đào Vũ Thiên Long - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 1739-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/04/2017
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.923.827.792	204.489.208.587
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	60.631.276.375	50.124.562.464
111	1. Tiền		60.631.276.375	50.124.562.464
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.194.131.415	92.629.847.608
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	18.393.884.055	25.630.212.930
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.383.340.500	59.576.219.928
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	7.157.795.657	7.423.414.750
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(746.060.954)	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		5.172.157	-
140	IV. Hàng tồn kho		33.260.867.134	61.006.816.307
141	1. Hàng tồn kho	V.7	33.260.867.134	61.006.816.307
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		837.552.868	727.982.208
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	837.552.868	727.982.208
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		762.901.932.374	601.316.442.185
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		411.221.094.805	395.223.562.216
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	409.637.197.850	391.615.135.793
222	- Nguyên giá		591.808.325.741	543.969.720.683
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182.171.127.891)	(152.354.584.890)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.583.896.955	3.608.426.423
228	- Nguyên giá		2.657.748.213	4.657.748.213
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.073.851.258)	(1.049.321.790)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		339.553.603.932	195.833.086.251
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	339.553.603.932	195.833.086.251
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	2.084.040.000	84.040.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.084.040.000	84.040.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.043.193.637	10.175.753.718
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	10.043.193.637	10.175.753.718
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		883.825.760.166	805.805.650.772

M.S.D.



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/04/2017
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		515.723.024.376	450.082.823.216
310	I. Nợ ngắn hạn		360.034.008.853	290.577.641.008
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	78.481.748.864	97.541.487.638
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	2.053.630.768	4.557.313.113
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	3.506.771.520	2.901.435.214
314	4. Phải trả người lao động	V.15	29.799.645.660	26.944.418.946
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	3.224.686.086	324.136.902
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	209.622.125.290	142.318.544.701
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	29.977.128.288	11.718.108.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	3.368.272.377	4.272.196.043
330	II. Nợ dài hạn		155.689.015.523	159.505.182.208
332	1. Người mua trả trước dài hạn		-	5.031
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	151.921.314.237	156.885.803.055
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.20	3.767.701.286	2.619.374.122
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		368.102.735.790	355.722.827.556
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	367.993.516.513	355.575.500.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		355.575.500.000	355.575.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		355.575.500.000	355.575.500.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.418.016.513	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421a			-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		12.418.016.513	-
421b				
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.22	109.219.277	147.327.556
432	1. Nguồn kinh phí		109.219.277	147.327.556
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		883.825.760.166	805.805.650.772

KẾ TÍNH TOÁN

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HOÀNG QUỐC HƯNG

PHẠM CHÍ THỨC

NGUYỄN VĂN ĐỀ



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 26/4 đến 31/12/2017	Từ 01/01 đến 25/4/2017
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	180.478.040.559	82.017.511.124
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		180.478.040.559	82.017.511.124
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	118.291.161.291	57.101.117.663
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.186.879.268	24.916.393.461
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	90.788.109	66.081.998
22	7. Chi phí tài chính		3.062.258.106	1.000.253.324
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.062.258.106	1.000.253.324
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	27.291.151.549	11.581.265.700
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	18.254.450.774	7.872.297.523
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.669.806.948	4.528.658.912
31	11. Thu nhập khác	VI.6	331.883.713	132.093.709
32	12. Chi phí khác	VI.7	206.116.758	21.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		125.766.955	111.093.709
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.795.573.903	4.639.752.621
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	1.377.557.390	927.950.524
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.418.016.513	3.711.802.097
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9a	349	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.9b	349	-

331/
CỔ
SỞ HỮU
H. TO
/ 5-1

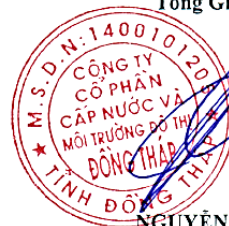
Đồng Tháp, ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN VĂN ĐỀ

HOÀNG QUỐC HƯNG

PHẠM CHÍ THỨC

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

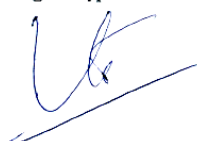
Cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 26/4 đến 31/12/2017	Từ 01/01 đến 25/4/2017
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		234.715.783.479	87.523.166.232
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(166.633.235.257)	(55.553.571.149)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(53.615.640.475)	(34.394.351.285)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.911.884.138)	(664.808.419)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.902.362.985)	(870.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.14	293.887.575.257	226.473.478.379
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(306.668.836.067)	(196.099.108.092)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(3.128.600.186)</i>	<i>26.414.805.666</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(222.662.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		90.783.078	65.592.998
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>90.783.078</i>	<i>(157.069.002)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	51.761.747.967	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(38.217.216.948)	(12.536.269.320)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>13.544.531.019</i>	<i>(12.536.269.320)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>10.506.713.911</i>	<i>13.721.467.344</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		50.124.562.464	36.403.095.120
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	V.1	<i>60.631.276.375</i>	<i>50.124.562.464</i>

28
NI
HIỆ
ÁN
Ả
P.

Người lập biểu



HOÀNG QUỐC HƯNG

Kế toán trưởng



PHẠM CHÍ THỨC

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Giám đốc



NGUYỄN VĂN ĐỀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai tang, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước via hè, công viên cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghệ thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình;
- Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình.

11
3
M
V
N
1
F



4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 26 tháng 04 năm 2017.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Cấp nước số 1	số 207b, Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước số 2	01 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước số 3	khóm Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước số 4	Quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước số 5	Quốc lộ 80, Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước số 6	đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp
Chi nhánh Xây lắp và Vật tư	số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai DOWASEN	01, Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 703 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 706 nhân viên).

11/01/2018

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

10/01/2018



2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (588 tháng).

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê sau ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (521 tháng).

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (25 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2017 được tạm trích theo Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và viên chức quản lý trong Công ty Cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được áp dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 2016.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm chủ yếu là sản phẩm nước đóng chai

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ như cấp thoát nước, thu gom rác...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH M.S.D.A.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

1.0
TF
KIE
1.3



17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh cung cấp nước sinh hoạt và Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt theo công văn số 2506/CT-TTHT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ các hoạt động còn lại.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

100%
C
ÁCH
M
C
/ 10

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

22. Số liệu so sánh

Đây là giai đoạn tài chính Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Cổ phần, nên số liệu so sánh ở cột năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 25 tháng 4 năm 2017. Do có sự chênh lệch về thời gian giữa hai giai đoạn tài chính nên các số liệu chỉ mang tính chất tham khảo, không mang tính so sánh.

Và công ty trình bày lại số đầu năm trên bảng cân đối kế toán cho phù hợp tính chất như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Tài sản			
319	Phải trả ngắn hạn khác	59.076.489.457	142.318.544.701	83.242.055.244
411	Vốn góp của chủ sở hữu	437.056.340.793	355.575.500.000	(81.480.840.793)
414	Vốn khác của chủ sở hữu	1.761.214.451	-	(1.761.214.451)
	CỘNG	497.894.044.701	497.894.044.701	-

12
01
1.11
104
01
11



V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
1.1	Tiền mặt	932.384.620	1.004.652.785
1.2	Tiền gửi ngân hàng	59.698.891.755	49.119.909.679
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	Cộng	60.631.276.375	50.124.562.464

Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp là 34.941.774.397 VND (số đầu năm là 34.808.598.985 VND) bị phong toả phải nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 26/4/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	2.084.040.000	2.084.040.000	-	84.040.000	84.040.000	-
<i>Công ty TNHH Nước Đồng Tháp⁽¹⁾</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
<i>Công ty Cp Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Sài Gòn⁽²⁾</i>	84.040.000	84.040.000	-	84.040.000	84.040.000	-
Cộng	2.084.040.000	2.084.040.000	-	84.040.000	84.040.000	-

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511022000005 ngày 17 tháng 08 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp,

- Giá trị vốn góp: 2.000.000.000 đồng
- Hình thức góp vốn: Quyền sử dụng đất số BK.595413 cấp ngày 09 tháng 7 năm 2012 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp, với diện tích 18.473 m², thửa đất số 3065, tờ bản đồ số 19, địa điểm thửa đất: ấp Đồng Bình, xã Hòa An, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Tỷ lệ góp vốn: 11,54%

⁽²⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309121296 ngày 01 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp,

Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, Giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng.

B1
NG
KIỂM
NV
AN
P.1



3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	18.393.884.055	25.630.212.930
- Phải thu KH - Xây lắp	2.513.398.642	3.156.185.686
- Phải thu KH - Nước sinh hoạt	5.901.109.265	7.873.594.482
- Phải thu KH - Thu gom và vận chuyển rác	8.472.387.208	5.855.777.569
- Phải thu KH - Công viên cây xanh	29.531.000	6.582.207.700
- Các khách hàng khác	1.477.457.940	2.162.447.493
Cộng	18.393.884.055	25.630.212.930

Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh với số tiền.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	1.383.340.500	59.576.219.928
- Công ty TNHH Hưng Hòa	711.392.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	198.000.000	-
- Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	192.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	281.948.500	59.576.219.928
Cộng	1.383.340.500	59.576.219.928

75 / 75
T
H
À
T
V
/ 10 /



5. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 26/4/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>207.758.799</i>	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	207.758.799	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.950.036.858</i>	-	<i>7.423.414.750</i>	-
Ký quỹ, ký cược	- 15.589.000	-	15.589.000	-
Tạm ứng	5.549.618.062	-	4.313.660.397	-
- Nguyễn Thị Ánh Ngọc	667.100.000	-	281.000.000	-
- Nguyễn Hoàng Phi Hải	640.554.800	-	377.678.800	-
- Trương Văn Lành	707.378.400	-	416.397.400	-
- Vũ Công Minh	581.497.000	-	774.022.000	-
- Các Nhân viên khác	2.953.087.862	-	2.464.562.197	-
Các khoản phải thu khác	1.384.829.796	-	3.094.165.353	-
- Ban QLDA Công ty - Chi phí quản lý Dự án	834.552.688	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	536.528.125	-	-	-
- Phải thu khác	13.748.983	-	3.094.165.353	-
Cộng	7.157.795.657	-	7.423.414.750	-



Các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh với số tiền.

6. Nợ xấu

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 26/4/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	1.089.634.881	343.573.927	-	-
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	235.689.004	166.071.171	-	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>235.689.004</i>	<i>166.071.171</i>	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	303.623.250	152.620.773	-	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>303.623.250</i>	<i>152.620.773</i>	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	77.535.682	24.881.983	-	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>77.535.682</i>	<i>24.881.983</i>	-	-
Quá hạn trên 03 năm	472.786.945	-	-	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>472.786.945</i>	-	-	-
Cộng	1.089.634.881	343.573.927	-	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(746.060.954)	-	(746.060.954)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(746.060.954)	-	(746.060.954)

T. N. T. U. H. H. H. H.



7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 26/4/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.813.956.697	-	41.660.480.288	-
Công cụ, dụng cụ	339.633.739	-	717.296.308	-
Chi phí SXKD dở dang	10.047.446.856	-	18.514.713.433	-
Thành phẩm	59.829.842	-	114.326.278	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	33.260.867.134	-	61.006.816.307	-

Trong đó:

- Không có hàng tồn kho nào được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, hư hỏng,...

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	7.014.839.435	7.129.250.379
Công cụ dụng cụ	1.842.730.638	1.816.373.061
Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	201.223.744	345.498.805
Chi phí thuê quyền sử dụng đất	515.874.526	525.190.553
Chi phí trả trước dài hạn khác	468.525.294	359.440.920
Cộng	10.043.193.637	10.175.753.718

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Số đầu kỳ	10.175.753.718	8.993.335.022
Tăng trong kỳ	21.671.643.152	10.128.498.984
Phân bổ trong kỳ	(21.804.203.233)	(8.946.080.288)
Số cuối năm	10.043.193.637	10.175.753.718

9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	283.163.685.986	45.605.499.662	214.564.520.767	636.014.268	543.969.720.683
2. Tăng trong kỳ	20.508.859.456	2.187.400.000	25.531.195.602	-	48.227.455.058
<i>Mua trong kỳ</i>	-	1.134.400.000	1.972.749.510	-	3.107.149.510
<i>Xây dựng cơ bản</i>	20.508.859.456	1.053.000.000	23.558.446.092	-	45.120.305.548
3. Giảm trong kỳ	-	-	(388.850.000)	-	(388.850.000)
4. Số cuối năm	303.672.545.442	46.658.499.662	240.841.266.369	636.014.268	591.808.325.741
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	123.098.565	499.790.782	93.099.000	-	715.988.347
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu kỳ	43.807.401.302	16.703.253.294	91.490.827.491	353.102.803	152.354.584.890
2. Tăng trong kỳ	16.902.666.111	2.631.236.299	10.554.756.656	69.808.119	30.158.467.185
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	16.902.666.111	2.631.236.299	10.554.756.656	69.808.119	30.158.467.185
3. Giảm trong kỳ	-	-	(341.924.184)	-	(341.924.184)
4. Số cuối năm	60.710.067.413	19.334.489.593	101.703.659.963	422.910.922	182.171.127.891
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	239.356.284.684	28.902.246.368	123.073.693.276	282.911.465	391.615.135.793
2. Tại ngày cuối năm	242.962.478.029	27.324.010.069	139.137.606.406	213.103.346	409.637.197.850
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 115.367.762.165 đồng.



10. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất ⁽¹⁾	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác ⁽²⁾	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu kỳ	3.480.959.350	312.088.000	864.700.863	4.657.748.213
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
4. Số cuối năm	1.480.959.350	312.088.000	864.700.863	2.657.748.213
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	312.088.000	-	312.088.000
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu kỳ	83.177.900	312.088.000	654.055.890	1.049.321.790
2. Tăng trong kỳ	10.897.749	-	13.631.719	24.529.468
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	10.897.749	-	13.631.719	24.529.468
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối năm	94.075.649	312.088.000	667.687.609	1.073.851.258
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	1.397.781.450	-	210.644.973	3.608.426.423
2. Tại ngày cuối năm	1.386.883.701	-	197.013.254	1.583.896.955
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng				
Đang chờ thanh lý				

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 740.204.650 đồng.

⁽¹⁾ Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất số T00160 ngày 08 tháng 10 năm 2007 ở ấp Anh Thạnh, xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, diện tích 826,5 m².
- Quyền sử dụng đất số T00255 ngày 19 tháng 01 năm 2009 ở số 1 Tôn Đức Thắng, phường 1, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, diện tích 2.097,18 m².
- Quyền sử dụng đất số CT00249 ngày 06 tháng 11 năm 2010 ở xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, diện tích 1263 m².
- Quyền sử dụng đất số CT2138/39/40 ngày 19 tháng 11 năm 2012 ở xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp diện tích 1024,3 m².
- Quyền sử dụng đất số CT06358 ngày 13 tháng 12 năm 2017 ở Nguyễn Huệ nối dài, ấp Tân Đông A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp diện tích 49,5 m².

- Quyền sử dụng đất số CH08902 ngày 06 tháng 03 năm 2018 ở ấp Bình Phú Quới, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, diện tích 332,5 m².

⁽²⁾ Tài sản cố định vô hình khác gồm:

- Lập trình, cài đặt và đầu nối hệ thống
- Phần mềm thu thập và hiển thị dữ liệu
- Phần mềm quản lý mạng- khu vực Tp. Cao Lãnh
- Phần mềm web truy cập dữ liệu từ xa
- San lấp mặt bằng hệ thống cấp nước Hồng Ngự mới
- San nền công trình hệ thống cấp nước Hồng Ngự mới

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác ⁽¹⁾	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	195.833.086.251	189.001.076.424	(45.120.305.548)	(160.253.195)	339.553.603.932
- Dự án Thoát nước và xử lý nước thải Tp. Cao Lãnh ^(*)	177.071.749.781	115.395.092.192	-	-	292.466.841.973
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền- CS 3000m ³ /ngày	11.970.238.545	9.640.900.000	-	-	21.611.138.545
- Các công trình khác	6.791.097.925	63.965.084.232	(45.120.305.548)	(160.253.195)	25.475.623.414
Cộng	195.833.086.251	189.001.076.424	(45.120.305.548)	(160.253.195)	339.553.603.932

^(*) Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh phải bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Và Theo công văn số 2429/BTC-TCDN ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ tài chính, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tổ chức Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty chưa thực hiện bàn giao và làm thủ tục giảm vốn điều lệ.

⁽¹⁾ Giảm khác là do nhập nguyên vật liệu thừa và kết chuyển tăng chi phí trả trước.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để thế chấp, bảo đảm vay với số tiền 0 đồng.

330
 RÁC
 IEM
 3/6



12. **Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	78.481.748.864	97.541.487.638
- Liên danh GECPL - SFC Việt Nam	67.300.795.724	-
(#EUR 2.460.004,34)		-
- Liên đoàn Quy hoạch & Điều tra Tài nguyên nước Miền Nam	2.496.077.000	-
- Các nhà cung cấp khác	8.684.876.140	97.541.487.638
Cộng	78.481.748.864	97.541.487.638

Không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán

13. **Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	2.053.630.768	4.557.313.113
- BQLDA và Phát triển Quỹ đất Tp. Cao Lãnh	461.049.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Nhơn Thành	294.514.200	859.373.200
- Các khách hàng khác	1.298.067.568	3.697.939.913
Cộng	2.053.630.768	4.557.313.113

312
DŌI
H NH
TŌI
HŪ
/ - 71

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Tại ngày 26/4/2017		Số phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	79.847.731	5.364.272.151	(3.784.367.741)	-	1.659.752.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	884.867.526	1.377.557.390	(1.902.362.985)	-	360.061.931
Thuế thu nhập cá nhân	727.982.208	-	1.345.848.891	(1.455.419.551)	837.552.868	-
Thuế tài nguyên	-	450.671.356	6.821.359.404	(6.859.451.585)	-	412.579.175
Tiền thuê đất	-	-	457.246.637	(457.246.637)	-	-
Các loại thuế khác	-	1.486.048.601	11.050.263.252	(11.461.933.580)	-	1.074.378.273
Cộng	727.982.208	2.901.435.214	26.416.547.725	(25.920.782.079)	837.552.868	3.506.771.520

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%,10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh cung cấp nước sinh hoạt và Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt theo công văn số 2506/CT-TTHT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ các hoạt động còn lại.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 14.741.160 m³.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

BẢNG TÍNH THUẾ



15. Phải trả người lao động

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
- Tiền lương phải trả	29.799.645.660	26.944.418.946
- Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	29.799.645.660	26.944.418.946

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.224.686.086</i>	<i>324.136.902</i>
- Trích trước chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	2.053.548.819	-
- Chi phí lãi vay phải trả	116.760.968	193.783.993
- Trích tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước 2017	300.856.558	-
- Chi phí bảo vệ môi trường rừng	699.519.741	-
- Trích chi phí kiểm toán	54.000.000	110.000.000
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	20.352.909
Cộng	3.224.686.086	324.136.902

176
T
HỮ
T
171
10

17. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>187.787.033.382</i>	<i>117.614.027.981</i>
- Phải trả về cổ phần hóa	34.297.389.350	34.164.213.938
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp (*)	153.489.644.032	83.449.814.043
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>21.835.091.908</i>	<i>24.704.516.720</i>
- Ban QLDA Nâng cấp Đô thị Tp. Cao Lãnh	13.352.000.000	13.352.000.000
- Kinh phí công đoàn	8.743.300	58.576.264
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.312.925.500	1.216.015.500
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.161.423.108	10.077.924.956
Cộng	209.622.125.290	142.318.544.701

(*) Là khoản phải trả cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi tiến hành bàn giao lại Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh (xem thuyết minh V.11)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 26/4/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	29.977.128.288	29.977.128.288	11.718.108.451	11.718.108.451
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.888.516.470	6.888.516.470	11.718.108.451	11.718.108.451
- Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Đồng Tháp ⁽¹⁾	6.888.516.470	6.888.516.470	11.718.108.451	11.718.108.451
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	23.088.611.818	23.088.611.818	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam-KV Đồng Tháp - An Giang	12.984.000.000	12.984.000.000	-	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Đồng Tháp	10.104.611.818	10.104.611.818	-	-
Cộng	29.977.128.288	29.977.128.288	11.718.108.451	11.718.108.451

⁽¹⁾ Khoản vay theo hợp đồng số 60/2017-HĐCVHM/NHCT720-DOWASEN ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Công Thương - chi nhánh Đồng Tháp.

- Hạn mức: 30.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Thời hạn vay 06 tháng.
- Tài sản đảm bảo: theo Hợp đồng thế đồng thể chấp sửa đổi, bổ sung số 01/246/11/PKHDN/HĐTC-SĐBS ngày 25 tháng 01 năm 2013, cụ thể như sau:
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Công trình xây dựng trụ sở làm việc số 01 Tôn Đức Thắng, TP Cao Lãnh.
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Công trình xây dựng chi nhánh số 4 Quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Tại ngày 26/4/2017	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tại ngày 31/12/2017
Vay ngắn hạn ngân hang	11.718.108.451	16.419.824.967	-	(21.249.416.948)	6.888.516.470
- Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Đồng Tháp	11.718.108.451	16.419.824.967	-	(21.249.416.948)	6.888.516.470
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	23.088.611.818	-	23.088.611.818
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam-KV Đồng Tháp - An Giang	-	-	12.984.000.000	-	12.984.000.000
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Đồng Tháp	-	-	10.104.611.818	-	10.104.611.818
Cộng	11.718.108.451	16.419.824.967	23.088.611.818	(21.249.416.948)	29.977.128.288

18b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 26/4/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	151.921.314.237	151.921.314.237	156.885.803.055	156.885.803.055
Vay dài hạn ngân hàng	92.153.415.487	92.153.415.487	113.621.415.487	113.621.415.487
- Ngân hàng Phát triển VN-KV Đồng Tháp - An Giang ⁽¹⁾	92.153.415.487	92.153.415.487	113.621.415.487	113.621.415.487
Vay dài hạn các tổ chức khác khác	59.767.898.750	59.767.898.750	43.264.387.568	43.264.387.568
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp ⁽²⁾	59.767.898.750	59.767.898.750	43.264.387.568	43.264.387.568
Cộng	151.921.314.237	151.921.314.237	156.885.803.055	156.885.803.055

⁽¹⁾ Khoản vay theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2013/HDODA-NHPTVN ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - chi nhánh khu vực Đồng Tháp- An Giang.

- Số tiền vay: 112.460.000.000 đồng
- Mục đích vay: Xây dựng công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
- Lãi suất: 0,3%/ năm
- Thời hạn vay 15 năm.

- Tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

⁽²⁾ Là khoản vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị.

- Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Chi tiết hợp đồng vay

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
HD số 01/2011/HĐTD-QĐTPT	Dự án Mở rộng hệ thống cấp thoát nước huyện Cao Lãnh giai đoạn 1	470.971.750	66 tháng	6%/ năm
HD số 02/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 19/07/2013	Dự án Mở rộng hệ thống cấp thoát nước huyện Cao Lãnh giai đoạn 1	372.611.818	66 tháng	6%/ năm
05/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 23/12/2013	Xây dựng hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự	20.433.702.000	8 năm	6%/ năm
06/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013	Xây dựng trạm xử lý nước sông Nha Mân huyện Châu Thành	4.914.611.000	7 năm	6%/ năm
02/2014/HĐTD-QĐTPT ngày 28/03/2014	Trạm cấp nước tuyến dân cư thị trấn Lai Vung	1.225.005.000	6 năm	6%/ năm
04/2014/HĐTD-QĐTPT ngày 27/06/2014	Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	4.691.272.000	8 năm	6%/ năm
06/2014/HĐTD-QĐTPT ngày 26/12/2014	Trạm cấp nước KCN xã Mỹ Hiệp	2.950.000.000	8 năm	6%/ năm
06/2015/HĐTD-QĐTPT ngày 26/10/2015	Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	1.738.285.000	8 năm	6%/ năm
07/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 06/07/2017	Tuyến ống cấp nước truyền tải từ nhà máy nước mặt Đông Bình về Tp. Cao Lãnh	15.922.616.000	7 năm	6%/ năm
08/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 17/03/2017	Nhà máy nước mặt Đông Bình	17.153.436.000	8 năm	6%/ năm
Cộng		69.872.510.568		

H.H.H



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 26/4/2017	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Tại ngày 31/12/2017
Vay dài hạn ngân hàng	113.621.415.487	-	(8.484.000.000)	(12.984.000.000)	92.153.415.487
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam-KV Đồng Tháp - An Giang	113.621.415.487	-	(8.484.000.000)	(12.984.000.000)	92.153.415.487
Vay dài hạn các tổ chức khác	43.264.387.568	35.341.923.000	(8.733.800.000)	(10.104.611.818)	59.767.898.750
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp	43.264.387.568	35.341.923.000	(8.733.800.000)	(10.104.611.818)	59.767.898.750
Cộng	156.885.803.055	35.341.923.000	(17.217.800.000)	(23.088.611.818)	151.921.314.237

Không phát sinh vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Tại ngày 26/4/2017	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 31/12/2017
Quỹ khen thưởng	1.464.854.430	-	(420.080.000)	1.044.774.430
Quỹ phúc lợi	2.488.205.363	272.073	(308.729.489)	2.179.747.947
Quỹ thưởng BĐH	319.136.250	-	(175.386.250)	143.750.000
Cộng	4.272.196.043	272.073	(904.195.739)	3.368.272.377

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu kỳ	2.619.374.122		2.619.374.122
Trích lập quỹ	1.542.188.800	-	1.542.188.800
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	(393.861.636)		(393.861.636)
Số cuối năm	3.767.701.286		3.767.701.286

21. Vốn chủ sở hữu

21a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3
Số dư đầu kỳ	355.575.500.000	-	355.575.500.000
Tăng trong kỳ	-	12.418.016.513	12.418.016.513
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	355.575.500.000	12.418.016.513	367.993.516.513

Theo công văn số 2429/BTC-TCDN ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ tài chính, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tổ chức Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty chưa thực hiện bàn giao và làm thủ tục giảm vốn điều lệ.

21b Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 26/4/2017
UBND tỉnh Đồng Tháp	89,50%	318.249.000.000	318.249.000.000
Các cổ đông khác	10,50%	37.326.500.000	37.326.500.000
Cộng	100,00%	355.575.500.000	355.575.500.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
UBND tỉnh Đồng Tháp	318.249.000.000	89,50%	318.249.000.000	-
Các cổ đông khác	37.326.500.000	10,50%	37.326.500.000	-
Cộng	355.575.500.000	100%	355.575.500.000	-



21c Cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2017</u>	<u>Tại ngày 26/4/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.557.550	35.557.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.557.550	35.557.550
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.557.550	35.557.550
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.557.550	35.557.550
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.557.550	35.557.550
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21d Các quỹ của doanh nghiệp*Quỹ khen thưởng*

- Thường cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thường đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thường cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Quỹ phúc lợi

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

21e Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu kỳ	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.418.016.513
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>12.418.016.513</u>

//Số * m.à.0.1.



22. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<u>Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017</u>
Số đầu kỳ	147.327.556	92.010.728
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Tăng khác	-	55.316.828
Giảm khác	38.108.279	-
Số cuối năm	109.219.277	147.327.556

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết	<u>Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.876.694.785	855.629.416
Doanh thu bán thành phẩm	137.706.754.244	64.849.841.030
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.933.936.746	11.453.354.826
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.960.654.784	4.858.685.852
Cộng	180.478.040.559	82.017.511.124

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	<u>Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.518.198.927	685.281.539
Giá vốn của thành phẩm đã bán	84.972.645.291	41.466.042.969
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.029.901.263	10.614.998.591
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.770.415.810	4.334.794.564
Cộng	118.291.161.291	57.101.117.663

TRẠI KIỂM



3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Lãi tiền gửi	70.788.109	66.081.998
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	-
Cộng	90.788.109	66.081.998

4. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Chi phí cho nhân viên	10.259.702.357	5.079.140.214
Chi phí vật liệu, bao bì	7.764.582.429	2.315.780.438
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	674.212.238	270.889.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.996.322.553	2.559.904.831
Chi phí mua ngoài	515.007.718	1.326.649.000
Chi phí khác bằng tiền	81.324.254	28.902.197
Cộng	27.291.151.549	11.581.265.700

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Chi phí nhân viên	6.973.143.728	4.197.161.252
Chi phí vật liệu quản lý	543.909.968	349.005
Chi phí đồ dùng văn phòng	340.230.634	43.899.874
Chi phí khấu hao TSCĐ	435.024.430	106.318.758
Thuế, phí, lệ phí	1.162.998.343	748.568.921
Chi phí dự phòng	2.246.060.954	450.000.000
Chi phí mua ngoài	493.512.288	263.240.077
Chi phí khác bằng tiền	6.059.570.429	2.062.759.636
Cộng	18.254.450.774	7.872.287.523

331
CỔ
CHỨ
HỮU
5-7

6. Thu nhập khác

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	346.912	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.968.700	-
Tiền bán hồ sơ đấu thầu	16.363.638	-
Kiểm kê thừa	115.048.211	-
Các thu nhập khác	196.156.252	132.093.709
Cộng	331.883.713	132.093.709

7. Chi phí khác

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Chi phí hồ sơ phục vụ hồ sơ thầu	13.013.439	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.964.100	-
Các chi phí khác	191.139.219	21.000.000
Cộng	206.116.758	21.000.000

8. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh cung cấp nước sinh hoạt và Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt theo công văn số 2506/CT-TTHT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ các hoạt động còn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động cấp thoát nước	Hoạt động thu gom rác	Hoạt động khác	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.235.155.588	3.765.587.551	(2.205.169.236)	13.795.573.903
Điều chỉnh tăng	-	-	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế	12.235.155.588	3.765.587.551	(2.225.169.236)	13.775.573.903
Thuế suất ưu đãi	10%	10%	20%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	1.377.557.390

2 E
NI
HIỆ
ÁN
ẢI
P.



9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

9a Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.418.016.513	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(-)	(-)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	35.557.550	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	349	-

(*) Công ty chưa thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 và sẽ được điều chỉnh lại khi có Nghị quyết chính thức.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	35.557.550	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.557.550	-

9b Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.418.016.513	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.418.016.513	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	35.557.550	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	349	-

17
3 T
M H
VÀ
V
HỒ

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	35.557.550	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	35.557.550	

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.837.235.218	7.749.633.164
Chi phí nhân công	80.670.322.320	30.989.106.567
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.952.793.733	7.747.666.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.384.234.310	1.585.511.011
Chi phí khác bằng tiền	16.320.057.365	4.399.206.630
Cộng	212.164.642.946	52.471.123.976

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do bị phong tỏa với số tiền 34.941.774.397 đồng (xem thuyết minh số V.1).

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

100/100/100/100/100



VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

Chi tiết	Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017
Tiền lương	1.245.255.615	534.633.000
Phụ cấp	-	-
Tiền thưởng	-	-
Các khoản phúc lợi khác	-	-
Cổ tức	-	-
Cộng	1.245.255.615	534.633.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

THANH
VĂN
T

3b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

4. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

4a *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Chi tiết	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu bán thành phẩm	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu xây dựng	Cộng
Từ ngày 26/4 đến ngày 31/12/2017					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.876.694.785	137.706.754.244	35.933.936.746	4.960.654.784	180.478.040.559
Giá vốn hàng bán	1.518.198.927	84.972.645.291	28.029.901.263	3.770.415.810	118.291.161.291
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	358.495.858	52.734.108.953	7.904.035.483	1.190.238.974	62.186.879.268
Từ ngày 01/01 đến ngày 25/4/2017					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	855.629.416	64.849.841.030	11.453.354.826	4.858.685.852	82.017.511.124
Giá vốn hàng bán	685.281.539	41.466.042.969	10.614.998.591	4.334.794.564	57.101.117.663
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.347.877	23.383.798.061	838.356.235	523.891.288	24.916.393.461

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



4b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Công trình xây dựng trụ sở làm việc số 01 Tôn Đức Thắng, Tp. Cao Lãnh.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Công trình xây dựng chi nhánh số 4 Quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp theo Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01/246/11/PKHĐN/HĐTC-SĐBS ngày 25 tháng 01 năm 2013 cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Công ty thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư là hệ thống cấp thoát nước thị xã Hồng Ngự để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Khu vực Đồng Tháp An Giang (xem thuyết minh số V.18).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Khả năng hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của công ty với số tiền 239.110.181.061 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo công văn số 2429/BTC-TCDN ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ tài chính, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tổ chức Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện bàn giao và làm thủ tục giảm vốn điều lệ.

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Người lập biểu



HOÀNG QUỐC HƯNG

Kế toán trưởng



PHẠM CHÍ THỨC



NGUYỄN VĂN ĐÊ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Đồng Tháp, ngày 20 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN ĐỀ